

BỘ VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH
Số: 10/2019/TT-
BVHTTDL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2019

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: 10/2019/TT-BVHTTDL	<i>Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2019</i>

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC THI HOẶC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH THƯ
VIỆN, DI SẢN VĂN HÓA, VĂN HÓA CƠ SỞ, NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN, ĐIỆN ẢNH
VÀ MỸ THUẬT

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch
công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công
việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao
và Du lịch;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn,
điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên

chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật (sau đây gọi là chuyên ngành văn hóa) công tác trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành văn hóa công tác trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thi hoặc xét thăng hạng

1. Việc cử viên chức chuyên ngành văn hóa tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Viên chức chuyên ngành văn hóa tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.
3. Việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa phải bảo đảm bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng thấp hơn liền kề chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành văn hóa.

Điều 4. Xác định các trường hợp áp dụng hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp ngành văn hoá nếu có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư này được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành văn hóa, cụ thể:

1. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

a) Chuyên ngành thư viện: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II (mã số V.10.02.05).

b) Chuyên ngành di sản văn hóa: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II (mã số V.10.05.16).

c) Chuyên ngành văn hóa cơ sở:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III (mã số V.10.06.20) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II (mã số V.10.06.19).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III (mã số V.10.07.23) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng II (mã số V.10.07.22).

d) Chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh:

- Chức danh đạo diễn nghệ thuật:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II (mã số V.10.03.09) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn

nghệ thuật hạng I (mã số V.10.03.08).

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III (mã số V.10.03.10) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II (mã số V.10.03.09).

- Chức danh diễn viên:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II (mã số V.10.04.13) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng I (mã số V.10.04.12).

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II (mã số V.10.04.13).

đ) Chuyên ngành mỹ thuật:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II (mã số V.10.08.26) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng I (mã số V.10.08.25).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II (mã số V.10.08.26).

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

a) Chuyên ngành thư viện: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06).

b) Chuyên ngành di sản văn hóa: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17).

c) Chuyên ngành văn hóa cơ sở:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV (mã số V.10.06.21) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III (mã số V.10.06.20).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng IV (mã số V.10.07.24) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III (mã số V.10.07.23).

d) Chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh:

- Chức danh đạo diễn nghệ thuật:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng IV (mã số V.10.03.11) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III (mã số V.10.03.10).

- Chức danh diễn viên:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng IV (mã số V.10.04.15) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14).

đ) Chuyên ngành mỹ thuật:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV (mã số V.10.08.28) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27).

3. Trường hợp viên chức giữ chức danh nghề nghiệp của chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú hoặc đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật quy định tại điểm a, khoản 4 của các Điều 4, 5, 8 và 9 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; tại điểm a, khoản 4 của các Điều 4 và 5 Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật và được cơ quan có thẩm quyền cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3